

Số: 678/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 128/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm: 1985; Căn cước công dân: 079185036825 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/09/2025; Địa chỉ: 2 Đô Đốc L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn T1, sinh năm: 1983; Căn cước công dân: 035083012977 do Bộ C cấp ngày 05/12/2023; Địa chỉ: 2 Đô Đốc L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 56, điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 6 tháng 4 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành 6 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Thanh T và ông Phạm Văn T1 thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T và ông Phạm Văn T1 thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị Thanh T và ông Phạm Văn T1 kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 295/2013, quyển số 02/2013 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận T cấp ngày 25/10/2013 chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Hai bên khai có 02 con chung tên Phạm Trần Hà M, sinh ngày 7/7/2015 và Phạm Trần Hà L, sinh ngày 18/4/2018. Sau ly hôn, hai bên thống nhất giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi con chung số tiền 6.000.000 đồng/ tháng, tổng cộng 12.000.000 đồng/ tháng/ 2 con chung.

Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 (mười lăm) hàng tháng, bắt đầu thực hiện vào tháng 04/2026 cho đến khi con chung trưởng thành theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

+ Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân gia đình.

+ Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Hai bên xác nhận không có nợ chung.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng do bà T tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001323 ngày 7/1/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 9 – TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tô Thị Ngọc Phượng